

## VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ DÂN TỘC TÀY TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ TẠI HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

Tống Thị Thùy Dung<sup>1\*</sup>, Nguyễn Thị Minh Thọ<sup>2</sup>, Nguyễn Hữu Giang<sup>1</sup>  
<sup>1</sup>Trường Đại học Nông Lâm - ĐH Thái Nguyên, <sup>2</sup>Trường Đại học Việt Bắc

### TÓM TẮT

Kết quả điều tra cho thấy sự tham gia giữa nam giới và nữ giới trong tất cả các hoạt động ở cả 3 nhóm hộ có sự khác nhau, nữ giới luôn tham gia nhiều hơn và chiếm tỷ lệ % thời gian tham gia lớn hơn nam giới từ 3-5 lần tùy thuộc vào hoạt động trong từng lĩnh vực. Với nhóm hộ nghèo, cận nghèo thì tỷ lệ này càng lớn và giảm dần với nhóm hộ Khá-TB. Kết quả điều tra cũng cho thấy tỷ lệ nữ giới tham gia vào các hoạt động xã hội, tiếp cận thông tin là rất thấp và dao động từ 10-15% mà nguyên nhân chính do phụ nữ tự cho rằng họ là những người yếu đuối lại ít học hơn nam giới, rụt rè, ít giao tiếp với xã hội bên ngoài và người chồng phải là người quyết định các công việc này. Chỉ có phụ nữ ở nhóm hộ Khá-TB thì quan điểm này không hoàn toàn đúng, họ cũng có quyền quyết định như nam giới trong tất cả các hoạt động. Kết quả nghiên cứu cũng đưa ra được 3 nhóm giải pháp lớn nhằm nâng cao vai trò của phụ nữ dân tộc Tày trong phát triển kinh tế hộ tại địa bàn nghiên cứu.

**Từ khóa:** *Giới; Bình đẳng giới; Phụ nữ; Dân tộc Tày; Vai trò giới.*

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong lịch sử loài người từ trước đến nay, phụ nữ giữ một vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, bằng lao động sáng tạo của mình, họ đã góp phần làm giàu cho xã hội, làm phong phú cuộc sống con người. Tuy nhiên, trên thế giới cũng như ở Việt Nam, tình trạng bất bình đẳng giới vẫn tồn tại phổ biến trong mọi mặt của cuộc sống. Làm thế nào để tạo ra sự tham gia của giới, nâng cao vai trò của họ đặc biệt là của phụ nữ nhằm khai thác khả năng và thế mạnh của phụ nữ vào các hoạt động kinh tế hộ.

Hàm Yên là một huyện miền núi của tỉnh Tuyên Quang với đa số các xã thuộc diện chương trình 135 của Chính phủ, tỷ lệ hộ nghèo đứng thứ 3 toàn tỉnh chiếm 42,53%. Đây là khu vực sinh sống của 120.265 đồng bào, với 12 dân tộc khác nhau (dân tộc Tày chiếm 24,98%, Dao chiếm 18,54%), trong đó phụ nữ chiếm 48,97%. Lực lượng này đã và đang có vai trò to lớn trong sự phát triển kinh tế của hộ gia đình cũng như phát triển kinh tế xã hội của huyện Hàm Yên trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Do vậy, việc tạo cơ hội tiến tới “bình đẳng nam nữ” cho phụ nữ,

đặc biệt là phụ nữ dân tộc Tày trong việc phát triển kinh tế hộ ở huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang là vấn đề hết sức cần thiết.

### MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### Mục tiêu nghiên cứu

Đánh giá vai trò của phụ nữ dân tộc Tày trong phát triển kinh tế hộ. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy vai trò và sự tham gia của phụ nữ dân tộc Tày trong các hoạt động tăng thu nhập cải thiện đời sống gia đình, đồng thời góp phần phát triển kinh tế-xã hội tại huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

#### Nội dung nghiên cứu

- Thực trạng về 3 vai trò chính (Vai trò trong sản xuất và dịch vụ; vai trò chăm sóc và tái sản xuất sức lao động; và vai trò trong quan hệ cộng đồng, tiếp cận các tiến bộ KHKT và kiểm soát nguồn lực) của phụ nữ dân tộc Tày;
- Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao vai trò của phụ nữ dân tộc Tày trong phát triển kinh tế hộ ở huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

#### Phương pháp nghiên cứu

Kế thừa tài liệu về điều kiện tự nhiên và một số báo cáo tổng kết, đánh giá, số liệu thống kê từ các cấp (Trong 3 năm từ 2010-2012);

\* Tel: 0974 155186, Email: tongthuydung@gmail.com

Phòng vấn có định hướng 16 cán bộ (gồm 4 cán bộ cấp huyện và 12 cán bộ làm việc tại 3 xã), người được chọn là người có liên quan trực tiếp đến các hoạt động sản xuất như phụ trách nông lâm nghiệp, khuyến nông, phụ nữ, đoàn thanh niên;

Căn cứ theo vị trí địa lý, địa hình, địa mạo đất đai cũng như sự phát triển về KTXH của huyện Hàm Yên, lựa chọn 3 xã đại diện điển hình là Phù Lưu, Yên Phú và Nhân Mục để tiến hành điều tra. Sử dụng một số công cụ RRA, PRA chủ yếu như: Đi lát cắt, Sơ đồ tài nguyên, Sơ đồ venn, phương pháp phân tích điểm mạnh điểm yếu, cơ hội thách thức (SWOT) và điều tra phỏng vấn trực tiếp 120 hộ gia đình tiêu biểu trong khu vực. Phương pháp chọn hộ nghiên cứu thể hiện ở bảng 1.

#### KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

##### *Vai trò trong sản xuất và dịch vụ*

Kết quả điều tra 120 hộ cho thấy:

Sự tham gia giữa nam và nữ trong hoạt động trồng lúa ở các nhóm hộ có sự khác nhau. Đối với các công việc nặng nhọc như làm đất, phun thuốc trừ sâu thì ở nhóm hộ khá, TB đã có tham gia của cả vợ và chồng, một số hộ thuê người, máy cày, bừa và thuê người phun thuốc trừ sâu. Trong khi đó ở 2 nhóm hộ còn lại thì tự làm vì diện tích không nhiều và cũng không có tiền để thuê. Ở nhóm hộ nghèo thì phụ nữ vẫn là người chủ yếu thực hiện 2 công việc nặng nhọc này. Điều này chứng tỏ rằng ở nhóm hộ Khá-TB sự nhìn nhận về quyền bình đẳng giới đã có sự tiến bộ rõ rệt. Các khâu công việc còn lại trong hoạt động sản xuất lúa của nhóm hộ nghèo thường là phụ nữ làm một mình, trong khi 2 nhóm hộ còn lại thì có tỷ lệ cân bằng hơn giữa 2 giới hoặc cả 2 cùng làm.

Trong hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm: Hoạt động chăn nuôi có quy mô nhỏ lẻ, hầu hết các công việc được phụ nữ tranh thủ thực hiện trong lúc nhàn rỗi, tuy nhiên cũng có sự khác nhau tại các nhóm hộ. Ở nhóm hộ nghèo thì từ công việc nhẹ nhàng như lấy thức ăn, chăm sóc cho đến công việc nặng nhọc như làm chuồng thì chủ yếu là phụ nữ thực hiện. Ở 2 nhóm hộ Khá-TB và hộ cận nghèo thì có sự tham gia đồng đều ở cả 2 giới. Khâu bán sản phẩm từ chăn nuôi thì ở cả 3 nhóm hộ vẫn do phụ nữ đảm nhiệm.

Theo điều tra cho thấy hầu hết các hộ gia đình có diện tích trồng rau nhỏ, mục đích chủ yếu phục vụ gia đình, hoặc chăn nuôi, sản phẩm thừa thì mới đem bán nhưng không đáng kể. Ở nhóm hộ nghèo thì từ các khâu làm đất đến khâu thu hoạch đều do phụ nữ làm trên 75%, ở nhóm hộ cận nghèo là trên 63,33%. Riêng nhóm hộ khá-TB thì các khâu đều có sự tham gia của cả hai giới nhất.

Hoạt động sản xuất lâm nghiệp: Ngoài hoạt động trồng rừng, khai thác rừng, người dân còn có thể thu lượm thêm các lâm sản ngoài gỗ như lấy củi, nứa, măng, vầu, mộc nhĩ, nấm, phong lan, chít, hoa chuối phục vụ cho nhu cầu gia đình hoặc đem bán tăng thêm thu nhập và một số những thảo dược dùng chữa bệnh. Kết quả điều tra cho thấy ở 2 nhóm hộ nghèo và cận nghèo các công việc từ trồng rừng cho đến lấy thảo dược chữa bệnh đều do phụ nữ làm là chính (dao động từ khoảng 50-90% tùy theo từng hoạt động). Ở nhóm hộ Khá-TB thì tỷ lệ nam giới, và nữ giới tham gia vào các công việc đồng đều hơn, như vậy là phụ nữ ở nhóm hộ này đã có sự chia sẻ các công việc từ chồng.

Hoạt động kinh doanh, dịch vụ: Có 9/30 hộ thuộc nhóm hộ Khá-TB, 3/30 hộ thuộc nhóm hộ cận nghèo, và 0/60 hộ nhóm hộ nghèo tham gia vào hoạt động này. Các hoạt động kinh doanh, dịch vụ chủ yếu là làm nghề phụ (nấu rượu, làm đậu, rèn, đan quạt nan, dệt thổ cẩm), và dịch vụ bán hàng tạp hóa nhỏ. Sự đóng góp của phụ nữ dân tộc Tày trong hoạt động kinh doanh hàng hóa và dịch vụ thể hiện ở bảng 2.

Kết quả bảng 2 cho thấy: Các hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ đều có sự tham gia đồng đều từ 2 giới, hoặc cả 2 cùng thực hiện. Riêng khâu thu, chi, thanh toán và phục vụ thì đa phần cũng đều do phụ nữ đảm nhiệm từ 63,33% đến 80%. Khâu bốc dỡ vận chuyển hàng thì do nam giới thực hiện 50% - 63,33% vì những công việc này đòi hỏi có sức khỏe. Như vậy có thể khẳng định việc buôn bán hàng hóa - dịch vụ đã và đang là một động lực mạnh mẽ cho sự phát triển kinh tế hộ.

**Bảng 1. Phương pháp chọn hộ nghiên cứu**

Tiêu chuẩn lựa chọn hộ nghiên cứu	Phương pháp chọn	Số lượng hộ điều tra
- Hộ có phụ nữ là dân tộc Tày gồm (Mẹ, vợ, hoặc con gái trên 18 tuổi)	- Căn cứ theo danh sách của xã năm 2012	Đề tài đã chọn để điều tra trong 1 xã là: 10 hộ Khá-TB;
- Đại diện cho 3 nhóm hộ: Khá-TB; cận nghèo; và nghèo	- Lựa chọn hộ cận nghèo và nghèo theo chuẩn quốc gia giai đoạn 2010-2015. - Lựa chọn ngẫu nhiên các hộ Khá-TB	10 hộ cận nghèo và 20 hộ nghèo. Tổng số 40 hộ/xã
- Nguồn thu chính của gia đình từ các hoạt động sản xuất nông lâm nghiệp	- Phối hợp với chính quyền địa phương để lựa chọn mẫu đại diện cho các nhóm hộ trước khi đi điều tra	x 3 xã = <b>120 hộ/huyện</b>

**Bảng 2. Đóng góp của phụ nữ dân tộc Tày trong hoạt động kinh doanh hàng hóa và dịch vụ**

(Đơn vị tính: %)

Hoạt động	Nhóm Cận nghèo			Nhóm hộ Khá-TB		
	Nam	Nữ	Cả 2	Nam	Nữ	Cả 2
<b>1. Ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và nghề phụ</b>						
- Đi mua nguyên liệu	40,00	26,67	33,33	33,3	66,7	0,0
- Trực tiếp sản xuất	26,67	30,00	43,33	20,00	30,00	50,00
- Bán sản phẩm	26,67	23,33	50,00	33,3	33,3	33,3
<b>2. Dịch vụ</b>						
- Quản lý thu, chi, thanh toán	16,67	63,33	20,00	20,00	80,00	0,0
- Đi mua hàng	40,00	46,67	13,33	40,00	40,00	60,00
- Vận chuyển, bốc dỡ, áp tải hàng	50,00	20,00	30,00	63,33	20,00	36,67
- Trực tiếp phục vụ hay bán hàng	26,67	50,00	23,33	30,00	50,00	20,00

(Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả)

**Bảng 3. Vai trò của phụ nữ Tày trong công việc gia đình**

(Đơn vị tính: %)

Hoạt động	Hộ nghèo (n=60)		Hộ cận nghèo (n=30)		Hộ khá-TB (n=30)	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
1. Nấu cơm	28,33	71,67	36,67	63,33	40,00	60,00
2. Đi chợ	38,33	61,67	23,33	76,67	33,33	66,67
3. Giặt giũ	15,00	85,00	16,67	83,33	46,67	53,33
4. Vệ sinh nhà cửa	10,00	90,00	20,00	80,00	26,67	73,33
5. Chăm sóc con cái	13,33	86,67	26,67	73,33	36,67	63,33
6. Dạy con học	28,33	71,67	13,33	86,67	43,33	56,67
7. Định hướng nghề nghiệp cho con cái	0	0	0	0	56,67	43,33
8. Chăm sóc người già, ốm	8,33	91,67	20,00	80,00	23,33	76,67

(Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả)

**Vai trò chăm sóc và tái sản xuất sức lao động**

Kết quả điều tra về vai trò của phụ nữ dân tộc Tày trong các hoạt động gia đình thể hiện ở bảng 3.

Kết quả bảng 3 cho thấy: Phần lớn các công việc thì phụ nữ có tỷ lệ tham gia cao hơn nam giới. Cụ thể ở hoạt động nấu cơm tỷ lệ nữ tham gia là trên 60%, đi chợ trên 61,67%, giặt giũ trên 53,33%, vệ sinh nhà cửa trên 73,33%,

dạy con học trên 56, 67%, và chăm sóc người ốm đau, người già trên 76,67%. Ở nhóm hộ Khá-TB thì tỷ lệ nam – nữ chênh lệch nhau không nhiều, nhiều hộ gia đình chia sẻ rằng trong lúc phụ nữ nấu cơm, thì chồng sẽ trông con, hoặc phụ giúp vợ nấu nướng. Như vậy có thể thấy ở nhóm hộ này phụ nữ đã được chồng chia sẻ hơn trong nội trợ cũng như trong vai trò tái sản xuất của mình.

Đã có sự chia sẻ về giới trong các hoạt động nhưng tỷ lệ về thời gian phụ nữ tham gia luôn nhiều hơn nam giới từ 3-5 lần tùy thuộc vào từng hoạt động. Kết quả điều tra cũng cho thấy nếu phụ nữ có trình độ học vấn cao thì chất lượng cuộc sống của gia đình cũng cao, họ là người chăm sóc con cái, dạy con học cho nên trình độ học vấn ảnh hưởng trực tiếp đến ở hoạt động này và tỷ lệ thuận với tỷ lệ học sinh nghỉ học, bỏ học, học sinh học giỏi hay học kém...tuy nhiên một thực tế đáng buồn là chỉ có 73,7% số trẻ em ở dân tộc Tày được các bà mẹ cho đi tiêm chủng.

Hoạt động định hướng nghề nghiệp cho con cái: Không có hoạt động này ở nhóm hộ nghèo và nhóm cận nghèo Nhóm hộ khá-TB chủ yếu do người đàn ông thực hiện (khoảng 56%) vì trong suy nghĩ của phụ nữ Tày thì đàn ông vẫn là người quan tâm và hiểu biết các vấn đề xã hội, chính trị do vậy khả năng định hướng của họ tốt hơn.

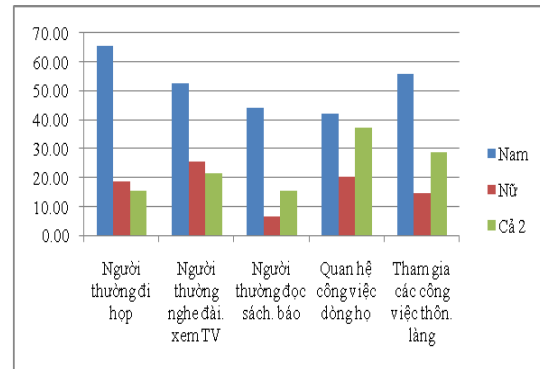
**Vai trò trong quan hệ cộng đồng, tiếp cận các tiến bộ khoa học kỹ thuật (KHKT) và kiểm soát nguồn lực**

*Trong quan hệ cộng đồng, tiếp cận các tiến bộ KTKT*

Kết quả điều tra cho thấy trong khi nam giới thường đi hội họp, nghe đài, xem TV, đọc sách báo... thì phụ nữ phải đảm nhiệm các công việc đồng áng, chăn nuôi, làm nội trợ, họ có rất ít thời gian nghe đài, xem TV, đọc sách báo... do vậy, họ ít được tiếp cận các kênh thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức và hiểu biết. Hình 1 thể hiện tỷ lệ % bình quân ở 3 nhóm hộ về vai trò trong quan hệ cộng đồng, tiếp cận các tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Các hoạt động như đi họp, nghe đài, xem ti vi và tham gia các công việc chung của thôn làng thì chủ yếu nam giới là người tham gia chiếm hơn 50%, trong khi nữ giới có tỷ lệ tham gia rất thấp và dao động từ 10-15%, một số ít cho rằng cả 2 cùng tham gia vào các hoạt động này và chủ yếu tập trung ở nhóm hộ Khá-TB. Khi được hỏi về nguyên nhân thì họ cho rằng phụ nữ Tày rất ít tham gia vào các cuộc họp bởi theo quan điểm của họ thì phụ

nữ là những người yếu đuối lại ít học hơn nam giới, rụt rè, ít giao tiếp với xã hội bên ngoài. Vì quan niệm người chồng là chủ hộ và họ có vai trò quan trọng hơn trong việc đại diện gia đình bàn bạc, tham gia ra quyết định công việc thôn như xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, sửa chữa đình, chùa...



**Hình 1:** Tỷ lệ BQ về vai trò trong quan hệ cộng đồng, tiếp cận các tiến bộ KHKT

Mặc dù, các quan điểm trên cũng đã được nghĩ đổi mới hơn, và khi phụ nữ có trình độ học vấn cao hơn, có thu nhập tốt hơn thì tỷ lệ nữ giới tham gia hội họp cũng được tăng lên, cụ thể ở nhóm hộ cận nghèo là 23,33% và nhóm hộ Khá-TB là 20% trong khi đó nhóm hộ nghèo chỉ có 13,33%.

Người phụ nữ chỉ tranh thủ xem ti vi khi ăn cơm, ngoài thời gian đó ra trong lúc nam giới xem thì họ phải thực hiện công việc nội trợ, chăm sóc con, hay dạy dỗ con cái học. Nhóm hộ nghèo chỉ có 16,67% phụ nữ thường được nghe đài hay xem tivi, hộ cận nghèo là 33,33% và ở nhóm hộ Khá-TB là 26,67%

Trong việc tiếp cận thông tin như đọc sách, đọc báo: (i) Ở nhóm hộ nghèo, trong tổng số 60 hộ điều tra thì họ gần như không tiếp cận được với loại hình thông tin này và (ii) Ở nhóm hộ cận nghèo, chỉ có 6/30 hộ quan tâm đến sách báo. Một phần họ không biết đọc, và cũng không có tiền để mua, một lý do nữa là ở 2 nhóm hộ này do cuộc sống gần như tự cung tự cấp về mặt lương thực, thực phẩm, hay các nhu yếu phẩm khác, do vậy họ là nhóm người ít chịu tác động của thị trường, họ không cần tiếp cận các nguồn thông tin

mới từ bên ngoài. Điều ngược lại (iii) ở nhóm hộ Khá-TB, 30/30 hộ cho rằng họ rất quan tâm đến việc tiếp cận các thông tin mới trong sản xuất nông nghiệp, ngoài ra họ còn kinh doanh, dịch vụ, làm thêm nghề phụ và có sự trao đổi hàng hóa thường xuyên do vậy bắt buộc họ phải nắm bắt nhiều thông tin kịp thời hơn.

Vai trò của phụ nữ dân tộc Tày trong hoạt động tập huấn thể hiện ở bảng 4.

Trong 60 hộ nghèo được điều tra thì chỉ có 40 người tham gia lớp tập huấn về trồng trọt trong đó 26 người nam và 14 người nữ, chăn nuôi là 43 người (31 nam và 13 nữ), lâm nghiệp là 11 người với 100% là nam giới. Trong khi toàn bộ các hoạt động sản xuất như trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp...đều do phụ nữ thực hiện thì người đi tập huấn lại là nam giới. Và khi được hỏi lí do mà họ tham gia các lớp tập huấn này thì có tới 29 người trả lời họ tham gia vì được trợ cấp với số tiền từ 10.000đ – 20.000đ/ngày trong khi họ chỉ cần đến ngồi và điểm danh và họ ít quan tâm đến thông tin hay chủ đề của khóa tập huấn đó.

Ở nhóm hộ Khá-TB thì trung bình có từ 23-25 người/30 hộ điều tra tham gia tập huấn về trồng trọt, chăn nuôi và lâm nghiệp với tỷ lệ nam nữ khá cân bằng, do vậy khả năng áp dụng những kiến thức, kỹ thuật tiên bộ vào sản xuất của gia đình cũng cao hơn.

*\* Quyền kiểm soát kinh tế và tài sản*

Tuy phụ nữ chịu trách nhiệm chính trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, dịch vụ và nội trợ nhưng trong kiểm soát kinh tế hộ vai trò của họ được đánh giá thấp hơn nam giới. Kết quả thể hiện ở bảng 5.

Quyền kiểm soát các hoạt động kinh tế của gia đình: Ở nhóm hộ nghèo nam giới chiếm 56,67%, nhóm cận nghèo là 43,33%, và nhóm

Khá-TB thì tỷ lệ này khá cân bằng nam 26,67% và nữ là 20,00%. Phụ nữ ở nhóm hộ nghèo có ít quyền quyết định nhất trong việc kiểm soát kinh tế và tài sản gia đình mình, mặc dù họ tuy được đánh giá cao hơn nam giới trong quản lý tài chính của gia đình với việc chi tiêu nhỏ lẻ hàng ngày nhưng việc quyết định mua sắm, làm công việc lớn lại do người chồng quyết định. Trong khi đó nhóm hộ Khá-TB cả nam và nữ giới đều được tham gia vào tất cả các khâu quản lý thu chi của gia đình.

Theo số liệu điều tra được thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên người chồng với tỷ lệ cao nhất ở nhóm hộ nghèo là 60%, tên vợ là 8,33% và đứng tên cả 2 vợ chồng chỉ chiếm 31,67%. Trong khi đó ở nhóm hộ khá tỷ lệ cả 2 vợ chồng cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 60%. Điều này được giải thích do có một số hộ mới mua đất, làm sổ đỏ cho nên bắt buộc phải đứng tên 2 vợ chồng và ở nhóm hộ này sự nhanh nhạy cộng với việc tiếp cận với các thông tin thường xuyên cho nên nhận thức của họ cũng thay đổi và dần công nhận sự đóng góp cũng như công lao của người vợ trong gia đình.

Tất cả các hộ có xe máy thì hầu như cũng là nam giới đứng tên trong giấy tờ, nguyên nhân do (i) Đây là việc lớn, tài sản lớn thì phải do đàn ông thực hiện; (ii) Số lượng phụ nữ biết đi xe máy ít và họ không có kiến thức, sự hiểu về máy móc nên không thể đi mua và đứng tên.

Trong các chương trình vay vốn thì cũng thường do nam giới làm chủ, chỉ có một số chương trình vay vốn dành cho phụ nữ thì bắt buộc phải do phụ nữ đứng tên. Tuy nhiên, ở nhóm hộ nghèo và cận nghèo khả năng tiếp cận với các nguồn vốn vay còn hạn chế do đó tỷ lệ hộ được vay vốn không cao.

**Bảng 4.** Số lượng phụ nữ Tày tham gia các lớp tập huấn năm 2012

(Đơn vị tính: Người)

Tên lớp tập huấn	Hộ Nghèo			Hộ Cận nghèo			Hộ Khá-TB		
	Tổng	Nam	Nữ	Tổng	Nam	Nữ	Tổng	Nam	Nữ
Kỹ thuật trồng trọt	40	26	14	21	15	6	23	12	11
Kỹ thuật chăn nuôi	43	31	12	26	18	8	25	13	12
Kỹ thuật lâm nghiệp	11	11	0	9	6	3	23	11	12

(Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả)

**Bảng 5. Quyền kiểm soát kinh tế và tài sản của phụ nữ Tày**

(Đơn vị tính: %)

Nội dung	Hộ Nghèo (n=60)			Hộ Cận nghèo (n=30)			Hộ Khá-TB (n=30)		
	Nam	Nữ	Cả 2	Nam	Nữ	Cả 2	Nam	Nữ	Cả 2
Quyền kiểm soát KT, tài sản	56,67	13,33	30,00	43,33	26,67	30,00	26,67	20,00	53,33
Đúng tên trong sổ đỏ	60,00	8,33	31,67	36,67	20,00	43,33	30,00	10,00	60,00
Đúng tên đăng ký xe	60,00	40,00	0,00	56,67	43,33	0,00	63,33	36,67	0,00
Đúng tên vay vốn	46,67	23,33	30,00	30,00	36,67	33,33	26,67	16,67	56,67
Đúng tên sổ tiết kiệm	-	-	-	36,67	63,33	0,00	40,00	60,00	0,00

(Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả)

**Một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò của phụ nữ dân tộc Tày trong phát triển kinh tế hộ**

Hướng dẫn phụ nữ Tày cách làm ăn, mở rộng ngành nghề phát triển nông thôn như: Tổ chức dạy nghề tập trung vào sản xuất nông nghiệp ứng dụng các tiên bộ KTKH mới cho phụ nữ Tày trong độ tuổi lao động, đồng thời khuyến khích các hộ gia đình trong xã có kinh nghiệm tổ chức và phát triển sản xuất giỏi, biết làm giàu từ sản xuất, dịch vụ, nhận đỡ đầu, hướng dẫn cho những hộ nghèo.

Giảm gánh nặng công việc sản xuất và nội trợ cho phụ nữ, tạo điều kiện để họ có thời gian tham gia công tác xã hội và từng bước cơ giới hoá các hoạt động sản xuất nông lâm nghiệp nhằm giảm số công lao động cho nữ giới, tạo thu nhập ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống. Tiếp tục khôi phục và phát triển những loại hình sinh hoạt văn hoá cộng đồng của dân tộc, nhằm thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ Tày, bên cạnh đó có thể thành lập các câu lạc bộ văn hoá, thể thao tại các thôn bản, có kế hoạch sinh hoạt theo định kỳ một tháng 1 lần.

Tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn vốn đặc biệt là nhóm hộ nghèo và cận nghèo thông qua Ngân hàng phục vụ người nghèo tại địa phương và các tổ chức kinh tế xã hội có liên quan. Các tổ chức này cần phải đổi mới phương thức phục vụ để phụ nữ có thể vay được vốn sản xuất, tránh trường hợp người dân không được tiếp cận với các khoản tín dụng chính thức (từ khu vực nhà nước) mà phải vay phần lớn tín dụng thông qua các thị trường không chính thức với mức lãi xuất cao hơn nhiều so với lãi xuất khu vực Nhà nước.

**KẾT LUẬN**

Phụ nữ Tày tham gia tất cả các khâu trong SX nông nghiệp, dịch vụ và có vai trò rất quan trọng trong việc chăm sóc gia đình, con cái và làm nội trợ. Tuy nhiên, Phụ nữ Tày chưa hoàn toàn bình đẳng trong quyết định công việc lớn gia đình, trong kiểm soát tài sản, mặc dù họ là người nắm giữ trách nhiệm quản lý tài chính trong gia đình. Phụ nữ Tày ít được tham gia hội họp thôn xóm, ít tiếp cận với các phương tiện truyền thông, chưa được bình đẳng trong họ tộc và gia đình.

Những giải pháp đề tài đưa ra phù hợp với điều kiện địa phương và nguyện vọng của phụ nữ Tày tại huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Báo cáo chính thức kết quả thực hiện kinh tế xã hội năm 2011 và phương hướng phát triển kinh tế xã hội năm 2012 của huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.
2. Tổng Thị Thùy Dung (2013), “Đánh giá vai trò của phụ nữ dân tộc Tày trong phát triển kinh tế hộ tại huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang” luận văn Thạc sỹ nông nghiệp, trường Đại học Nông Lâm - ĐH Thái Nguyên.
3. Nguyễn Hữu Giang (2011), “Tài liệu tập huấn ngắn hạn về bình đẳng giới” Chương trình hỗ trợ ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (ARD SPS) 2007 - 2012 tại tỉnh Điện Biên.
4. Bùi Thu Hòa (2011), “Giải pháp nâng cao vai trò của lao động nữ trong phát triển kinh tế hộ nông dân ở huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên” luận văn Thạc sỹ Kinh tế nông nghiệp, trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Thái Nguyên.
5. Ủy ban quốc gia về sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam (2011), “Phân tích tình hình và đề xuất chính sách nhằm tăng cường tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới ở Việt Nam”, Hà Nội.

## SUMMARY

**ROLES OF WOMEN TAY ETHNIC IN DEVELOPMENT HOUSEHOLD ECONOMY AT THE HAM YEN DISTRICT, TUYEN QUANG PROVINCE**

**Tong Thi Thuy Dung<sup>1\*</sup>, Nguyen Thi Minh Tho<sup>2</sup>, Nguyen Huu Giang<sup>1</sup>**  
*<sup>1</sup>College of Agriculture and Forestry – TNU, <sup>2</sup>Viet Bac College*

The survey results showed that the participation between men and women in all activities in three groups were differences, the time involvement is different in each activities with women supassing men by at least 3-5 times depend on what kind of activities. Those activities in Poor households and nearly poor households are higher than other. The survey results also showed that the percentage of female participation in social activities, access to information is very low and ranged between 10-15% with women claim that they are the timid and vulnerable person, school less than men, little communication with the outside society and the husband is the decision of this work. Only women in good income hoseholds and medium income households also have the right to decide as men in all activities. The research results also provide three main solution groups to enhance the role of women Tay ethnic minority in household's economic development.

**Keywords:** *Gender, Gender Equality, Women, Tay Ethnic Minorities, Gender Roles.*

*Ngày nhận bài: 25/9/2013; Ngày phản biện: 04/10/2013; Ngày duyệt đăng: 17/3/2014*

**Phản biên khoa học:** *TS. Bùi Đình Hòa – Trường Đại học Nông Lâm - ĐHTN*

---

\* *Tel: 0974 155186, Email: tongthuydung@gmail.com*